

Số: ~~217~~ 2023/CV- SBSI

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà TNR, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (+84) 24 3377 6699 - Fax: (+84) 24 3373 6699
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Quang Anh
Chức vụ: Tổng giám đốc – Đại diện pháp luật
- Loại thông tin công bố:

24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin cần công bố:

Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers công bố thông tin về Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2023 và giải trình chênh lệch;

Thông tin này chi tiết đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 17 tháng 08 năm 2023 tại đường dẫn <https://sbsi.vn/vi-vn/ve-sbsi/bai-viet/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/E23>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2023;
- Công văn giải trình biến động lợi nhuận bán niên năm 2023.



NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN *h*

Nguyễn Quang Anh
Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Anh

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên soát xét năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: VUA
- Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà TNR, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (+84) 24 3377 6699 Fax: (+84) 24 3373 6699
- Email: info@sbsi.vn Website: sbsi.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên soát xét năm 2023
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2023 tại đường dẫn: <https://sbsi.vn/vi-vn/ve-sbsi/bai-viet/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/E23>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên soát xét 2023;
- Công văn giải trình;

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu) ~~#~~



Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
STANLEY BROTHERS**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 250 /2023/CV-SBSI

(V/v giải trình biến động lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2023 so với 6 tháng đầu năm 2022 và LNST 6 tháng đầu năm 2023 bị lỗ)

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Ủy ban và Quý Sở!

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 25 và khoản 4 điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Công bố thông tin;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 & 6 tháng đầu năm 2022.

Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers (SBSI) giải trình về việc lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 biến động hơn 10% so với 6 tháng đầu năm 2022 và Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ do các nguyên nhân sau:

- Trong 6 tháng đầu năm 2023 doanh thu hoạt động giảm -85.4% so với 6 tháng đầu năm 2022. Sự giảm mạnh này đến chủ yếu từ 3 mảng hoạt động doanh thu chính: Doanh thu hoạt động tự doanh (-94.2%); Doanh thu nghiệp vụ môi giới (-89%) và Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính (-99.3%).
- Chi phí hoạt động 6 tháng đầu năm 2023 biến động tăng 20.7% so với 6 tháng đầu năm 2022, chủ yếu do chi phí tự doanh 6 tháng đầu năm 2023 tăng mạnh (+208.2%) đến từ các khoản lỗ bán tài sản tài chính.

Cụ thể:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2023 (vnd)	6 tháng năm 2022 (vnd)	Chênh lệch (vnd)	Tỷ lệ %
Doanh thu hoạt động	11,238,253,523	76,950,756,035	(65,712,502,512)	-85.4
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1,337,416,768	23,047,968,813	(21,710,552,045)	-94.2



Handwritten signature and initials in blue ink.

- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	2,461,656,659	3,998,773,236	(1,537,116,577)	-38.4
- Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	3,510,978,417	323,112,300	3,187,866,117	986.6
- Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2,278,365,570	20,793,812,045	(18,515,446,475)	-89
- Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	452,970,000	-	452,970,000	100
- Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1,001,231,564	1,097,407,821	(96,176,257)	-8.8
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	195,634,545	27,689,681,820	(27,494,047,275)	-99.3
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	67,940,710,755	56,287,055,762	11,653,654,993	20.7
- Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	59,319,098,382	19,249,416,992	40,069,681,390	208.2
- Chi phí hoạt động tự doanh	19,706,696	58,246,369	(38,539,673)	-66.2
- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	6,321,132,032	13,254,227,327	(6,933,095,295)	-52.3
- Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	250,554,988	1,374,687,760	(1,124,132,772)	-81.8
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	748,031,053	715,480,879	32,550,174	4.5
- Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1,282,187,604	21,634,996,435	(20,352,808,831)	-94.1
Doanh thu hoạt động tài chính	83,942,046	158,235,898	(74,293,852)	-47
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	83,942,046	158,235,898	(74,293,852)	-47
Chi phí tài chính	854,507,074	4,245,936,719	(3,391,429,645)	-79.9
- Chi phí lãi vay	854,507,074	4,245,936,719	(3,391,429,645)	-79.9
CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	5,845,046,404	6,714,922,692	(869,876,288)	-13
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	(63,318,068,664)	9,861,076,760	(73,179,145,424)	-742.1

- Thu nhập khác	450,282,192	1,122,339,829	(672,057,637)	-59.9
- Chi phí khác	128,869,999	1,161,999,274	(1,033,129,275)	88.9
Cộng kết quả hoạt động khác	321,412,193	(39,659,445)	361,071,638	910.4
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	(62,996,656,471)	9,821,417,315	(72,818,073,786)	-741.4
- Lợi nhuận đã thực hiện	(62,996,656,471)	9,821,417,315	(72,818,073,786)	-741.4
CHI PHÍ THUẾ TNDN	-	1,992,527,940		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1,992,527,940		
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	(62,996,656,471)	7,828,889,375	(70,825,545,846)	-904.7

Bảng công văn này Công ty Cổ phần chứng khoán Stanley Brothers xin giải trình nguyên nhân dẫn tới sự biến động lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2023 so với 6 tháng đầu năm 2022 và KQKD 6 tháng đầu năm 2023 bị lỗ đến các Quý Cơ quan và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu CBTT

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Anh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-38
Báo cáo tình hình tài chính	05-08
Báo cáo kết quả hoạt động	09-10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11-13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Thuyết minh Báo cáo tài chính	15-38

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 83/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2008; Giấy phép số 30/UBCK-GP ngày 16/01/2009; Giấy phép số 357/UBCK-GP ngày 19/10/2010; Quyết định số 932/QĐ-UBCK ngày 16/11/2010; Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 05/04/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 29/03/2017; Giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 19/07/2017; Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK ngày 02/10/2018; Giấy phép điều chỉnh số 108/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2018; Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/01/2019; Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK ngày 12/06/2019 và Giấy phép điều chỉnh số 58/GPĐC-UBCK ngày 09/09/2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố. Công ty được cấp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0305453780 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ nhất, ngày 11 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Luyện Quang Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Anh	Thành viên
Ông Phạm Hoàng Hải	Thành viên
Bà Lê Thị Giang	Phụ trách quản trị Công ty

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Anh	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Đức Lộc	Trưởng ban
Bà Đinh Thị Lan Anh	Ủy viên
Bà Lê Thị Giang	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2023



Số: 100823.029/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers được lập ngày 10 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2023

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		295.625.239.337	338.101.780.331
110	I. Tài sản tài chính		247.951.183.779	311.203.643.510
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	11.828.687.058	52.340.419.821
111.1	1.1 Tiền		11.828.687.058	52.340.419.821
114	2. Các khoản cho vay	5	32.510.430.261	38.248.671.443
115	3. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	202.812.028.135	215.692.095.213
117	4. Các khoản phải thu	6	75.841.106	3.973.475.380
117.1	4.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		-	3.809.000.000
117.2	4.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		75.841.106	164.475.380
117.4	4.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		75.841.106	164.475.380
118	5. Trả trước cho người bán		43.644.000	284.094.329
119	6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	680.553.219	664.887.324
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		47.674.055.558	26.898.136.821
133	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	673.055.558	883.369.322
134	2. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8	47.001.000.000	26.001.000.000
135	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	13.767.499
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.362.193.761	20.904.042.923
220	II. Tài sản cố định		9.551.648.177	12.209.827.072
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	4.306.781.861	5.785.531.300
222	- Nguyên giá		20.988.449.782	21.025.705.927
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.681.667.921)	(15.240.174.627)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	5.244.866.316	6.424.295.772
228	- Nguyên giá		17.173.810.520	17.173.810.520
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.928.944.204)	(10.749.514.748)
250	V. Tài sản dài hạn khác		10.810.545.584	8.694.215.851
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	8	817.059.106	820.109.106
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	7	337.578.849	421.560.113
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	11	9.655.907.629	7.452.546.632
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		315.987.433.098	359.005.823.254

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.521.841.115	27.267.277.399
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		7.521.841.115	27.267.277.399
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	3.912.000.000	21.145.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn		3.912.000.000	21.145.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	13	196.634.473	195.513.187
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	14	137.860.085	167.675.423
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	1.012.963.699	923.463.699
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	759.144.915	2.444.856.004
323	6. Phải trả người lao động		728.481.321	791.286.978
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		8.538.400	-
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	411.318.222	1.244.582.108
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	354.900.000	354.900.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		308.465.591.983	331.738.545.855
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	308.465.591.983	331.738.545.855
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		339.000.000.000	339.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		339.000.000.000	339.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		339.000.000.000	339.000.000.000
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		11.274.942.054	(28.448.760.545)
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.875.649.570	2.875.649.570
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		2.875.649.570	2.875.649.570
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		(47.560.649.211)	15.436.007.260
417.1	5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(47.560.649.211)	15.436.007.260
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		<u>315.987.433.098</u>	<u>359.005.823.254</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERSTầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		33.900.000	33.900.000
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	20	130.374.500.000	77.263.560.000
012	3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	21	55.640.000.000	108.840.000.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	22	3.264.636.670.000	3.060.281.160.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		1.745.591.620.000	1.406.502.440.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		50.000.000	15.050.000.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		1.517.085.000.000	1.535.835.000.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		50.000	90.000.050.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		1.910.000.000	12.893.670.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	23	75.180.000	127.630.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		75.180.000	127.630.000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
026	3. Tiền gửi của khách hàng	24	15.246.551.103	30.400.652.069
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		14.036.405.449	28.388.922.491
029	3.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		1.210.145.654	2.011.729.578
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		1.209.338.821	2.010.923.554
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		806.833	806.024
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25	15.246.551.103	30.400.652.069
031.1	4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		15.151.841.502	30.305.813.814
031.2	4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		94.709.601	94.838.255

Nguyễn Thị Năm
Người lập

Bùi Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

06 tháng đầu năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm	
			2023	2022	
			VND	VND	
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1.337.416.768	23.047.968.813	
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	27.a)	1.337.416.768	23.342.489.361
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL		-	-
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	27.b)	-	(294.520.548)
03	1.2	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	27.b)	2.461.656.659	3.998.773.236
04	1.3	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	27.b)	3.510.978.417	323.112.300
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		2.278.365.570	20.793.812.045
07	1.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		452.970.000	-
09	1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.001.231.564	1.097.407.821
10	1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		195.634.545	27.689.681.820
20	Cộng doanh thu hoạt động		11.238.253.523	76.950.756.035	
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	59.319.098.382	19.249.416.992	
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	27.a)	59.319.098.382	19.249.416.992
26	2.2	Chi phí hoạt động tự doanh		19.706.696	58.246.369
27	2.3	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		6.321.132.032	13.254.227.327
29	2.4	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		250.554.988	1.374.687.760
30	2.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		748.031.053	715.480.879
31	2.6	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		1.282.187.604	21.634.996.435
40	Cộng chi phí hoạt động		67.940.710.755	56.287.055.762	
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	83.942.046	158.235.898	
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		83.942.046	158.235.898	
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH					
52	4.1	Chi phí lãi vay	854.507.074	4.245.936.719	
60	Cộng chi phí tài chính		854.507.074	4.245.936.719	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

06 tháng đầu năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	30	5.845.046.404	6.714.922.692
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(63.318.068.664)	9.861.076.760
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác	31	450.282.192	1.122.339.829
72	8.2 Chi phí khác	32	128.869.999	1.161.999.274
80	Cộng kết quả hoạt động khác		321.412.193	(39.659.445)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(62.996.656.471)	9.821.417.315
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(62.996.656.471)	9.821.417.315
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	33	-	1.992.527.940
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	-	1.992.527.940
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<u>(62.996.656.471)</u>	<u>7.828.889.375</u>
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	12.1 Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		39.723.702.599	(8.616.143.500)
400	Tổng thu nhập toàn diện		39.723.702.599	(8.616.143.500)
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	34	(1.858)	231



Nguyễn Thị Năm
Người lập



Bùi Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

06 tháng đầu năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(62.996.656.471)	9.821.417.315
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		3.481.186.923	7.184.718.706
03	- Khấu hao tài sản cố định		2.710.621.895	3.097.017.885
06	- Chi phí lãi vay		854.507.074	4.245.936.719
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(83.942.046)	(158.235.898)
18	4. Tăng (giảm) các doanh thu phi tiền tệ		-	-
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		-	-
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		36.205.237.739	(10.171.474.526)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		-	40.000.000.000
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		5.738.241.182	139.705.514.389
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		52.603.769.677	(201.829.558.347)
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		3.809.000.000	17.956.886.330
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		88.634.274	498.347.135
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		73.834.105	5.582.606.036
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		-	720.104
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(2.189.593.498)	(2.218.098.698)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(88.410.659)	199.642.944
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		294.295.028	(481.416.593)
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.532.375.640)	(4.639.480.244)
44	- Lãi vay đã trả		(1.599.360.301)	(4.870.379.489)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		210.634.991	5.577.133.922
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		8.538.400	-
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(153.335.449)	(2.697.398.430)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(62.805.657)	(392.160.370)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		1.121.286	(1.891.833.215)
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.996.950.000)	(672.000.000)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(23.310.231.809)	6.834.661.495
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(52.443.000)	
65	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		83.942.046	158.235.898
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		31.499.046	158.235.898

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

*06 tháng đầu năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	1. Tiền vay gốc		777.000.000	100.705.000.000
73.2	1.1 Tiền vay khác		777.000.000	100.705.000.000
74	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(18.010.000.000)	(120.000.000.000)
74.3	2.2 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(18.010.000.000)	(120.000.000.000)
76	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(15.750.990.000)
80	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(17.233.000.000)</i>	<i>(35.045.990.000)</i>
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		(40.511.732.763)	(28.053.092.607)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		52.340.419.821	84.278.979.992
101.1	- Tiền		52.340.419.821	84.278.979.992
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	11.828.687.058	56.225.887.385
103.1	- Tiền		11.828.687.058	56.225.887.385

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
06 tháng đầu năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		898.441.860.736	13.687.719.083.820
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(632.274.173.820)	(12.494.910.063.320)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		801.357.878.043	7.758.085.435.420
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(1.081.678.434.361)	(9.050.330.606.769)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(1.001.231.564)	(1.010.909.284)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		13.118.172.662	18.090.758.791
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(13.118.172.662)	(18.090.714.331)
20	<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>		(15.154.100.966)	(100.447.015.673)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		30.400.652.069	161.189.783.236
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		30.400.652.069	161.189.783.236
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		28.388.922.491	161.096.955.910
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		2.011.729.578	5.687.326
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		-	87.140.000
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	24	15.246.551.103	60.742.767.563
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		15.246.551.103	60.742.767.563
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		14.036.405.449	60.735.865.549
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		1.210.145.654	6.857.554
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		-	44.460



Nguyễn Thị Năm
Người lập



Bùi Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

06 tháng đầu năm 2023

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2022	01/01/2023	06 tháng đầu năm 2022		06 tháng đầu năm 2023		30/06/2022	30/06/2023
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
				VND	VND	VND	VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		339.000.000.000	339.000.000.000	-	-	-	-	339.000.000.000	339.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		339.000.000.000	339.000.000.000	-	-	-	-	339.000.000.000	339.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		1.903.909.023	2.875.649.570	971.740.547	-	-	-	2.875.649.570	2.875.649.570
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		1.903.909.023	2.875.649.570	971.740.547	-	-	-	2.875.649.570	2.875.649.570
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		(1.359.000)	(28.448.760.545)	(8.614.185.390)	-	39.723.702.599	-	(8.615.544.390)	11.274.942.054
5. Lợi nhuận chưa phân phối		21.676.469.075	15.436.007.260	7.828.889.375	18.905.481.094	(62.996.656.471)	-	10.599.877.356	(47.560.649.211)
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		21.676.469.075	15.436.007.260	7.828.889.375	18.905.481.094	(62.996.656.471)	-	10.599.877.356	(47.560.649.211)
TỔNG CỘNG		364.482.928.121	331.738.545.855	1.158.185.079	18.905.481.094	(23.272.953.872)	-	346.735.632.106	308.465.591.983
II. Thu nhập toàn diện khác									
1. Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(1.359.000)	(28.448.760.545)	(8.614.185.390)	-	39.723.702.599	-	(8.615.544.390)	11.274.942.054
TỔNG CỘNG		(1.359.000)	(28.448.760.545)	(8.614.185.390)	-	39.723.702.599	-	(8.615.544.390)	11.274.942.054

Nguyễn Thị Năm
Người lập

Bùi Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2023

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 83/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2008; Giấy phép số 30/UBCK-GP ngày 16/01/2009; Giấy phép số 357/UBCK-GP ngày 19/10/2010; Quyết định số 932/QĐ-UBCK ngày 16/11/2010; Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 05/04/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 29/03/2017; Giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 19/07/2017; Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK ngày 02/10/2018; Giấy phép điều chỉnh số 108/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2018; Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 31/01/2019; Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK ngày 12/06/2019 và Giấy phép điều chỉnh số 58/GPĐC-UBCK ngày 09/09/2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố. Công ty được cấp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0305453780 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ nhất, ngày 11 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 339.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 339.000.000.000 đồng; tương đương 33.900.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 37 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 32 người).

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, do ảnh hưởng của tình hình thị trường chứng khoán chưa ổn định, nên doanh thu các hoạt động của Công ty (bao gồm các hoạt động tư vấn tài chính, bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, hoạt động tự doanh và môi giới chứng khoán) giảm mạnh trong kỳ. Nguyên nhân trên dẫn tới tổng doanh thu của Công ty năm nay giảm gần 85,4% so với cùng kỳ năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) *Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại..
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗi các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.5 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 03 năm
- Phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán	03 - 10 năm

2.7 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ một đến hai năm.

2.8 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo luật chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.

- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định hiện hành.

Như vậy, đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn, Điều lệ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.13 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.14 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu đầu tư khác.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay.

2.15 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.16 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.18 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	20.553.754	327.212.773.591
- Trái phiếu chưa niêm yết	113.270	76.487.960.945
- Trái phiếu niêm yết	461.338	45.889.883.256
- Cổ phiếu	14.952.146	123.164.929.390
- Cổ phiếu chưa niêm yết	5.027.000	81.670.000.000
Của nhà đầu tư	136.716.880	1.530.716.034.556
- Cổ phiếu	136.655.542	1.524.426.151.300
- Trái phiếu	61.338	6.289.883.256
	<u>157.270.634</u>	<u>1.857.928.808.147</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	16.459.842	16.424.142
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	11.812.227.216	52.323.995.679
	<u>11.828.687.058</u>	<u>52.340.419.821</u>

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	<u>30/06/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết (*)	108.547.014.690	119.823.482.420	54.120.093.560	30.887.253.060
Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	59.935.000.000	59.935.000.000	47.173.000.000	47.173.000.000
Trái phiếu niêm yết (*)	20.725.676	19.200.000	38.372.904.045	33.156.984.000
Trái phiếu chưa niêm yết (**)	23.034.345.715	23.034.345.715	104.474.858.153	104.474.858.153
	<u>191.537.086.081</u>	<u>202.812.028.135</u>	<u>244.140.855.758</u>	<u>215.692.095.213</u>

b) Các khoản cho vay

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Hoạt động margin	32.357.545.485	36.858.596.823
Hoạt động ứng trước tiền bán	152.884.776	1.390.074.620
	<u>32.510.430.261</u>	<u>38.248.671.443</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

c) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
AFS	191.537.086.081	244.140.855.758	202.812.028.135	215.692.095.213	11.276.467.730	527.138.620	(1.525.676)	(28.975.899.165)	202.812.028.135	215.692.095.213
Cổ phiếu niêm yết (*)	108.547.014.690	54.120.093.560	119.823.482.420	30.887.253.060	11.276.467.730	527.138.620	-	(23.759.979.120)	119.823.482.420	30.887.253.060
- Sàn Hồ Chí Minh	108.547.014.690	54.120.093.560	119.823.482.420	30.887.253.060	11.276.467.730	527.138.620	-	(23.759.979.120)	119.823.482.420	30.887.253.060
APH	42.883.328.000	44.350.032.560	46.635.619.200	20.846.962.800	3.752.291.200	-	-	(23.503.069.760)	46.635.619.200	20.846.962.800
HII	12.347.334.010	2.662.807.820	13.406.952.570	2.405.898.460	1.059.618.560	-	-	(256.909.360)	13.406.952.570	2.405.898.460
NHH	15.999.071.680	7.107.253.180	17.342.310.650	7.634.391.800	1.343.238.970	527.138.620	-	-	17.342.310.650	7.634.391.800
AAA	37.317.281.000	-	42.438.600.000	-	5.121.319.000	-	-	-	42.438.600.000	-
Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	59.935.000.000	47.173.000.000	59.935.000.000	47.173.000.000	-	-	-	-	59.935.000.000	47.173.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất Phat An Phát	-	47.173.000.000	-	47.173.000.000	-	-	-	-	-	47.173.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Sản phẩm Công nghiệp An Phát	10.980.000.000	-	10.980.000.000	-	-	-	-	-	10.980.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường	40.145.000.000	-	40.145.000.000	-	-	-	-	-	40.145.000.000	-
- Cổ phiếu chưa niêm yết khác	8.810.000.000	-	8.810.000.000	-	-	-	-	-	8.810.000.000	-
Trái phiếu	23.055.071.391	142.847.762.198	23.053.545.715	137.631.842.153	-	-	(1.525.676)	(5.215.920.045)	23.053.545.715	137.631.842.153
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ tầng Giáo dục (**)	1.608.318.318	-	1.608.318.318	-	-	-	-	-	1.608.318.318	-
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp (**)	-	20.662.026.959	-	20.662.026.959	-	-	-	-	-	20.662.026.959
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc NOVA (**)	-	10.974.776.400	-	10.974.776.400	-	-	-	-	-	10.974.776.400
- Trái phiếu Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát (**)	21.426.027.397	72.838.054.794	21.426.027.397	72.838.054.794	-	-	-	-	21.426.027.397	72.838.054.794
- Trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Mã CTG121031 (*)	20.725.676	38.372.904.045	19.200.000	33.156.984.000	-	-	(1.525.676)	(5.215.920.045)	19.200.000	33.156.984.000
	191.537.086.081	244.140.855.758	202.812.028.135	215.692.095.213	11.276.467.730	527.138.620	(1.525.676)	(28.975.899.165)	202.812.028.135	215.692.095.213

(*): Giá trị hợp lý của cổ phiếu và trái phiếu niêm yết được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HNX và HOSE tại ngày 30/06/2023 và ngày 30/12/2022.

(**): Tại thời điểm 30/06/2023, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu chưa niêm yết do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị thị trường. Theo đó giá trị thị trường được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	-	3.809.000.000
Phải thu lãi hoạt động Margin	75.807.818	163.628.736
Phải thu lãi hoạt động ứng trước tiền bán	33.288	846.644
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	680.553.219	664.887.324
- Phải thu phí môi giới chứng khoán	3.307.296	5.432.758
- Phải thu phí tư vấn tài chính	289.000.000	289.000.000
- Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	388.245.923	370.454.566
	756.394.325	4.638.362.704

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí bảo trì thiết bị, quản lý	247.369.399	531.327.666
Chi phí bảo hành thiết bị	97.728.000	244.320.000
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	10.125.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	327.958.159	97.596.656
	673.055.558	883.369.322

b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	151.917.459	223.384.813
Phí sử dụng thiết bị, quản lý	146.370.905	174.341.935
Chi phí sửa chữa văn phòng	10.873.273	23.833.365
Chi phí trả trước dài hạn khác	28.417.212	-
	337.578.849	421.560.113

8 . CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỘC

a) Ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đặt cọc hợp đồng mua trái phiếu (*)	47.000.000.000	26.000.000.000
Đặt cọc bình nước Lavie	1.000.000	1.000.000
	47.001.000.000	26.001.000.000

(*) Tại ngày 30/06/2023, khoản đặt cọc hợp đồng mua trái phiếu 47.000.000.000 VND bao gồm:

- Khoản đặt cọc 20 tỷ VND cho Công ty TNHH Phát triển YOTEI liên quan đến hợp đồng mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển YOTEI. Toàn bộ số tiền này đã được Công ty TNHH Phát triển YOTEI hoàn trả lại cùng tiền lãi phạt hợp đồng cho Công ty vào ngày 17/07/2023.

- Khoản đặt cọc 27 tỷ VND cho Công ty TNHH Đầu tư USHIMA Việt Nam liên quan đến hợp đồng mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đầu tư USHIMA Việt Nam. Toàn bộ số tiền này đã được Công ty TNHH Đầu tư USHIMA Việt Nam hoàn trả lại cùng tiền lãi phạt hợp đồng cho Công ty vào ngày 17/07/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

b) Dài hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đặt cọc thẻ ra vào tòa nhà	-	3.050.000
Đặt cọc tiền thuê văn phòng mới tại tòa nhà TNR	817.059.106	817.059.106
	817.059.106	820.109.106

9 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	20.836.711.936	188.993.991	21.025.705.927
Mua trong kỳ	52.443.000	-	52.443.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(89.699.145)	(89.699.145)
Tại ngày 30/06/2023	20.889.154.936	99.294.846	20.988.449.782
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	15.051.180.636	188.993.991	15.240.174.627
Khấu hao trong kỳ	1.531.192.439	-	1.531.192.439
Thanh lý, nhượng bán	-	(89.699.145)	(89.699.145)
Tại ngày 30/06/2023	16.582.373.075	99.294.846	16.681.667.921
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	5.785.531.300	-	5.785.531.300
Tại ngày 30/06/2023	4.306.781.861	-	4.306.781.861

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.156.572.936 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

10 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán	Phần mềm giao dịch chứng khoán	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	690.325.520	16.483.485.000	17.173.810.520
Tại ngày 30/06/2023	690.325.520	16.483.485.000	17.173.810.520
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	645.597.005	10.103.917.743	10.749.514.748
Khấu hao trong kỳ	25.721.130	1.153.708.326	1.179.429.456
Tại ngày 30/06/2023	671.318.135	11.257.626.069	11.928.944.204
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	44.728.515	6.379.567.257	6.424.295.772
Tại ngày 30/06/2023	19.007.385	5.225.858.931	5.244.866.316

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.436.340.520 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

11 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	853.279.489	853.279.489
Tiền nộp bổ sung	7.957.188.922	5.753.827.925
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	845.439.218	845.439.218
Số dư cuối kỳ	9.655.907.629	7.452.546.632

12 . CÁC KHOẢN VAY

a) Các khoản vay ngắn hạn

	01/01/2023	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
- Vay cá nhân (*)	21.145.000.000	777.000.000	(18.010.000.000)	3.912.000.000
	21.145.000.000	777.000.000	(18.010.000.000)	3.912.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

(*) Hợp đồng vay vốn của các cá nhân, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức vay vốn: 3.912.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh của Bên vay;
- + Thời hạn của hợp đồng: Từ 182 ngày đến 367 ngày kể từ ngày nhận được đủ số tiền cho vay theo từng Hợp đồng vay vốn;
- + Lãi suất cho vay: Từ 8,1%/năm đến 9,2%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 3.912.000.000 VND;
- + Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản đảm bảo là các cổ phần thuộc sở hữu hợp pháp của bên thứ ba thế chấp cho Bên cho vay để đảm bảo cho khoản vay và lãi vay. Giá trị tài sản đảm bảo tối thiểu bằng 150% dư nợ vay thực tế theo từng Hợp đồng vay vốn.

b) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2023		01/01/2023	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
- Bà Bùi Thị Việt Hà	Kế toán trưởng	550.000.000	26.163.288	750.000.000	24.277.808
- Bà Trần Thị Tuyết Ngân	Vợ của Chủ tịch HĐQT	305.000.000	27.598.740	1.655.000.000	85.406.247
		855.000.000	53.762.027	2.405.000.000	109.684.055

13 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	97.633.896	103.427.648
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	99.000.577	92.085.539
	196.634.473	195.513.187

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERSTầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Quản lý BĐS TNS PROPERTY	44.314.584	36.895.978
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát xanh	90.000.000	90.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông Quốc tế FPT	-	28.160.000
Phải trả các đối tượng khác	3.545.501	12.619.445
	137.860.085	167.675.423

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty cổ phần tập đoàn BGI	160.000.000	90.000.000
Công ty CP đầu tư Apax Holdings	148.000.000	148.000.000
Công ty CP Tập đoàn TPG	100.000.000	100.000.000
Công ty CP Phốt pho vàng Lào Cai	275.000.000	275.000.000
Công ty CP SX và Thương mại Nhựa Việt Thành	157.000.000	137.500.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	172.963.699	172.963.699
	1.012.963.699	923.463.699

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.532.375.640
Thuế Thu nhập cá nhân	759.144.915	909.694.916
Các loại thuế khác	-	2.785.448
	759.144.915	2.444.856.004

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	305.401.108	1.050.254.335
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	105.917.114	187.113.166
Chi phí phải trả khác	-	7.214.607
	411.318.222	1.244.582.108

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	354.900.000	354.900.000
	354.900.000	354.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	30/06/2023	Tỷ lệ	01/01/2023
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của cổ đông khác (dưới 5%)	100,00	339.000.000.000	100,00	339.000.000.000
	100,00	339.000.000.000	100,00	339.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(47.560.649.211)	15.436.007.260
	(47.560.649.211)	15.436.007.260

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối kỳ trước	15.436.007.260	21.676.469.075
Lãi đã thực hiện kỳ này tính từ đầu kỳ	(62.996.656.471)	7.828.889.375
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối kỳ kế toán	(47.560.649.211)	29.505.358.450
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	-	(1.943.481.094)
- Quỹ dự trữ điều lệ	-	(971.740.547)
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	(971.740.547)
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	-	(12.000.000)
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn này	-	(16.950.000.000)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	(47.560.649.211)	10.599.877.356

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	339.000.000.000	339.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	339.000.000.000	339.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	339.000.000.000	339.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	(16.950.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	(16.950.000.000)

e) Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.900.000	33.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.900.000	33.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	33.900.000	33.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.900.000	33.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	33.900.000	33.900.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	130.374.500.000	77.263.560.000
	<u>130.374.500.000</u>	<u>77.263.560.000</u>

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	55.640.000.000	108.840.000.000
	<u>55.640.000.000</u>	<u>108.840.000.000</u>

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.745.591.620.000	1.406.502.440.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	50.000.000	15.050.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.517.085.000.000	1.535.835.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	50.000	90.000.050.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.910.000.000	12.893.670.000
	<u>3.264.636.670.000</u>	<u>3.060.281.160.000</u>

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	75.180.000	127.630.000
	<u>75.180.000</u>	<u>127.630.000</u>

24 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	14.036.405.449	28.388.922.491
1. Nhà đầu tư trong nước	13.942.502.681	28.294.890.260
2. Nhà đầu tư nước ngoài	93.902.768	94.032.231
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.210.145.654	2.011.729.578
1. Nhà đầu tư trong nước	1.209.338.821	2.010.923.554
2. Nhà đầu tư nước ngoài	806.833	806.024
	<u>15.246.551.103</u>	<u>30.400.652.069</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERSTầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

25 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	14.036.405.449	28.388.922.491
1.1 Nhà đầu tư trong nước	13.942.502.681	28.294.890.260
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	93.902.768	94.032.231
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.210.145.654	2.011.729.578
2.1 Nhà đầu tư trong nước	1.209.338.821	2.010.923.554
2.2 Nhà đầu tư nước ngoài	806.833	806.024
	15.246.551.103	30.400.652.069

26 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	32.433.353.303	37.022.225.559
1.1 Phải trả gốc margin	32.357.545.485	36.858.596.823
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>32.357.545.485</i>	<i>36.858.596.823</i>
1.2 Phải trả lãi margin	75.807.818	163.628.736
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>75.807.818</i>	<i>163.628.736</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	152.918.064	1.390.921.264
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	152.884.776	1.390.074.620
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>152.884.776</i>	<i>1.390.074.620</i>
2.2 Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	33.288	846.644
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>33.288</i>	<i>846.644</i>
	32.586.271.367	38.413.146.823

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

27 . THU NHẬP**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước	
			Lãi VND	Lỗ VND	Lãi VND	Lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết	23.625.788.200	45.112.220.060	94.577.500	21.581.009.360	816.549.600	2.426.150.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	21.735.000.000	47.173.000.000	-	25.438.000.000	-	-
Trái phiếu niêm yết	40.677.000.000	43.565.061.625	-	2.888.061.625	13.238.660.000	16.565.287.000
Trái phiếu chưa niêm yết	74.879.642.627	83.048.830.756	1.242.839.268	9.412.027.397	9.287.279.761	257.979.992
	160.917.430.827	218.899.112.441	1.337.416.768	59.319.098.382	23.342.489.361	19.249.416.992

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

b) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, AFS	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2023	2022
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	-	(294.520.548)
Từ các khoản cho vay	2.461.656.659	3.998.773.236
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	3.510.978.417	323.112.300
	5.972.635.076	4.027.364.988

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2023	2022
	VND	VND
	83.942.046	158.235.898
	83.942.046	158.235.898

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí lãi vay	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2023	2022
	VND	VND
	854.507.074	4.245.936.719
	854.507.074	4.245.936.719

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Chi phí lương và các khoản theo lương	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2023	2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	2.961.977.254	3.287.294.763
Chi phí công cụ, dụng cụ	97.869.600	95.631.120
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	90.660.005	146.462.032
Chi phí thuế, phí và lệ phí	51.700.139	90.255.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	293.942.064	517.350.000
Chi phí khác	2.289.317.144	2.487.251.628
	59.580.198	90.677.801
	5.845.046.404	6.714.922.692

31 . THU NHẬP KHÁC

Tiền phạt thu được	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2023	2022
	VND	VND
Các khoản khác	450.082.192	1.121.577.945
	200.000	761.884
	450.282.192	1.122.339.829

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERSTầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

32 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	21.587
Lãi phạt đặt cọc mua bán Trái phiếu	-	1.020.776.887
Các khoản khác	128.869.999	141.200.800
	<u>128.869.999</u>	<u>1.161.999.274</u>

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(62.996.656.471)	9.821.417.315
Các khoản điều chỉnh tăng	128.869.999	141.222.387
- Chi phí không hợp lệ	128.869.999	141.222.387
Thu nhập chịu thuế TNDN	(62.867.786.472)	9.962.639.702
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	<u>-</u>	<u>1.992.527.940</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.532.375.640	4.439.480.244
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1.532.375.640)	(4.639.480.244)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	<u>-</u>	<u>1.792.527.940</u>

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(62.996.656.471)	7.828.889.375
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(62.996.656.471)	7.828.889.375
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	33.900.000	33.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(1.858)</u>	<u>231</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023:				
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	202.812.028.135	-	-	202.812.028.135
	<u>202.812.028.135</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>202.812.028.135</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	215.692.095.213	-	-	215.692.095.213
	<u>215.692.095.213</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>215.692.095.213</u>

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023				
Tiền gửi ngân hàng của Công ty	11.812.227.216	-	-	11.812.227.216
Các khoản phải thu	756.394.325	-	-	756.394.325
Các khoản cho vay	32.510.430.261	-	-	32.510.430.261
	<u>45.079.051.802</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>45.079.051.802</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERSTầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền gửi ngân hàng của Công ty	52.323.995.679	-	-	52.323.995.679
Các khoản phải thu	4.638.362.704	-	-	4.638.362.704
Các khoản cho vay	38.248.671.443	-	-	38.248.671.443
	<u>95.211.029.826</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>95.211.029.826</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2023				
Vay và nợ	3.912.000.000	-	-	3.912.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	689.394.558	-	-	689.394.558
Chi phí phải trả	411.318.222	-	-	411.318.222
	<u>5.012.712.780</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.012.712.780</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	21.145.000.000	-	-	21.145.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	718.088.610	-	-	718.088.610
Chi phí phải trả	1.244.582.108	-	-	1.244.582.108
	<u>23.107.670.718</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>23.107.670.718</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn và dịch vụ khách hàng	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	3.279.597.134	4.848.395.185	2.461.656.659	648.604.545	11.238.253.523
Chi phí hoạt động	7.069.163.085	59.338.805.078	-	1.532.742.592	67.940.710.755
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	83.942.046
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	6.699.553.478
Kết quả hoạt động	(3.789.565.951)	(54.490.409.893)	2.461.656.659	(884.138.047)	(63.318.068.664)
Chi phí mua tài sản cố định	-	-	-	-	-
Tài sản bộ phận trực tiếp	10.047.460.848	202.812.028.135	32.586.271.367	289.000.000	245.734.760.350
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	70.252.672.748
Tổng tài sản	10.047.460.848	202.812.028.135	32.586.271.367	289.000.000	315.987.433.098
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	7.521.841.115
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	7.521.841.115

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERSTầng 9 tòa nhà TNR, số 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị như sau:

Chức danh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm	
	2023	2022	
	VND	VND	
Ông Luyện Quang Thắng	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc khối IB	276.623.711	467.107.857
Ông Trịnh Quang Huy	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 08/03/2022)	-	315.618.182
Ông Phạm Hoàng Hải	Ủy viên HĐQT	135.866.922	103.198.484
Bà Lê Thị Giang	Phụ trách quản trị Công ty Thành viên Ban kiểm soát	137.770.721	94.910.000
Ông Nguyễn Quang Anh	Tổng Giám đốc	551.439.547	901.959.686
Ông Đỗ Đức Lộc	Trưởng Ban kiểm soát	12.000.000	-
Bà Đinh Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát	6.000.000	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.



Nguyễn Thị Năm
Người lập



Bùi Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2023